

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 40/2019/HS-ST

Ngày: 12/7/2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Loan Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 40/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Duy Q, sinh năm 1988 tại tỉnh An Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường số A, khu phố B, phường BTĐ, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); Vợ, con: chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị can bị bắt tạm giữ từ ngày 20/02/2019 và đến ngày 23/02/2019 chuyển tạm giam cho đến nay. (Có mặt).

** Người chứng kiến:*

- Võ Thị Hồng Th, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp D, xã BT, huyện BD, tỉnh Bến Tre.

- Nguyễn Minh Th, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp MĐ, xã MT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 19/02/2019, Q điều khiển xe mô tô chở bạn gái là Võ Thị Hồng Th từ xã QS, huyện CT về thành phố BT. Đến khu vực ngã tư TĐ thì Q bảo Th xuống xe chờ Q đi lấy đồ, trước khi đi Q hỏi mượn điện thoại của Th, trên đường đi Q dùng điện thoại của Th gọi cho người thanh niên tên Gà hỏi mua 200.000 đồng ma túy. Đến khoảng 22 giờ ngày 19/02/2019, Q đến khu vực vòng xoay phường 6, thành phố BT gặp thanh niên tên G (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) để nhận ma túy và cất vào túi quần bị cáo đang mặc. Sau đó, Q quay lại ngã tư TĐ chở Th đi tìm nhà nghỉ để cùng sử dụng ma túy. Vào lúc 23 giờ 15 phút ngày 19/02/2019, lực lượng Công an xã MT trên đường tuần tra đến khu vực Tổ nhân dân tự quản số 3, ấp MĐ, xã MT, thành phố BT thì phát hiện Trần Duy Q đang chở Võ Thị Hồng Th có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra, phát hiện Trần Duy Q có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên thông báo cho lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Bến Tre đến lập biên bản phạm pháp quả tang đối với Q và thu giữ tang vật. Trong suốt quá trình di chuyển Q sử dụng xe mô tô biển số 54S5-6954.

Vật chứng thu giữ:

- 01 gói nylon màu trắng hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký, ghi tên của Trần Duy Q, Võ Thị Hồng Th, Nguyễn Minh Th, Phan Nghĩa Th, Hoàng Quốc H và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã MT, thành phố Bến Tre).

- 01 xe mô tô biển số 54S5-6954, số khung: RNRWCH1UM91106877, số máy: RNRHA152FMH106877.

Theo bản Kết luận giám định số 24/2019/GĐMT ngày 20/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng: 0,1571 gam.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSTPBT ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Q từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung;

Áp dụng các Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì số 24/2019 có chữ ký và ghi tên Phan Nghĩa Th, Phan Trung Tr và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định;

- Đối với 01 xe mô tô biển số 54S5-6954, số khung: RNRWCH1UM91106877, số máy: RNRHA152FMH106877. Do không rõ nguồn gốc nên giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Bến Tre tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc xử lý theo thẩm quyền.

Đối với đối tượng tên Gà do không rõ họ tên địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Bị cáo Trần Duy Q khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, không khiếu nại gì đối với các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Những người chứng kiến đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Bị cáo Q có lời khai tại phiên tòa phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang ngày 19/02/2019, lời khai của người chứng kiến, phù hợp với kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Q đã có hành vi cất giấu trái phép 0,1571 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng.

[3] Bị cáo Q là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn mua và cất giấu ma túy để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, làm phát sinh nguy cơ xảy ra các tội phạm và tệ nạn khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân, bị cáo Q không có tiền án, tiền sự.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo Q được hưởng là thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.
- Bị cáo Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo Trần Duy Q là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 phong bì chứa mẫu ma túy còn lại sau giám định là vật Nhà nước cầm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe gắn máy biển số 54S5-6954, số khung: RNRWCH1UM91106877, số máy: RNRHA152FMH106877 do không rõ nguồn gốc nên giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Bến Tre tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc xử lý theo thẩm quyền.

[9] Đối với đối tượng tên G do không rõ họ tên địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Q phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Duy Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Trần Duy Q 01 (một) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 20/02/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì ký hiệu số 24/2019 có chữ ký và ghi tên Phan Nghĩa Th, Phan Trung Tr và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/6/2019 hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre đang quản lý).

- Giao xe gắn máy biển số 54S5-6954, số khung: RNRWCH1UM91106877, số máy: RNRHA152FMH106877 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc xử lý theo thẩm quyền.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Duy Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo được kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND phường BTĐ, Quận 2, TP HCM (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương